

**QUYẾT ĐỊNH  
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN  
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THANH HÓA**

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213, khoản 4 Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015

Căn cứ Nghị quyết 326/ 2016/ NQ- UBTVQH ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và Lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 78/2020/TLST- HNGĐ ngày 17 tháng 11 năm 2020 về việc “ Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, nuôi con khi ly hôn”. Gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

*Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

1. Chị Lê Thị N – Sinh năm 1998

ĐKNKTT: Đ , phường Đ, tp. T

Nơi ở hiện nay: Thôn L, xã Y, huyện Y, tỉnh Thanh Hóa

2. Anh Nguyễn Mạnh D – Sinh năm 1993

Địa chỉ: Đ , phường Đ, tp. T

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1]. Về hôn nhân: Chị Lê Thị N và anh Nguyễn Mạnh D đề nghị Tòa án công nhận sự thuận tình ly hôn của anh chị. Xét thấy tình cảm vợ chồng giữa chị N và anh D không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, sự thỏa thuận của anh chị về thuận tình ly hôn là có căn cứ, nên công nhận sự thuận tình ly hôn của chị Lê Thị N và anh Nguyễn Mạnh D

[2]. Về con cái: Chị N và anh D có 01 con chung là cháu Nguyễn Mạnh T sinh ngày 25/6/2017. Ly hôn anh chị thỏa thuận giao cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Mạnh T, anh D không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Xét thấy việc thỏa thuận của chị N và anh D về người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con là hoàn toàn tự nguyện của các đương sự, phù hợp với nguyện vọng của con cái và phù hợp với quy định pháp luật, nên công nhận sự thỏa thuận của anh chị.

[3]. Về tài sản chung và công nợ chung: Anh chị không yêu cầu Tòa án giải

quyết. Xét đây là tự nguyện của anh chị nên công nhận sự thỏa thuận của chị N và anh D.

[4]. Về Lệ phí: Chị N và anh D thỏa thuận, chị N chịu Lệ phí ly hôn sơ thẩm, xét đây là sự tự nguyện của anh chị nên chấp nhận.

[5]. Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi nhận trong biên bản hòa giải đoàn tụ không thành và ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 07 tháng 12 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Lê Thị N và anh Nguyễn Mạnh D.

- Về con chung: Chị N và anh D có 01 con chung là cháu Nguyễn Mạnh T sinh ngày 25/6/2017. Ly hôn anh chị thỏa thuận giao cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Mạnh T, anh D không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Anh D có quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở.

- Về Tài sản chung: Anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về công nợ chung: Anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về Lệ phí Tòa án: Công nhận sự thỏa thuận của anh chị, chị N chịu lệ phí ly hôn sơ thẩm 300.000đ nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí dân sự chị đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thanh Hóa theo biên lai thu tiền tạm ứng lệ phí số AA/2018/0001629 ngày 06/ 11/2020, chị N đã nộp đủ.

Người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

#### **Nơi nhận:**

- Đương sự;
- TAND, VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND TP Thanh Hóa;
- THADS TPTH;
- UBND ph Đông Cương;
- Lưu hồ sơ vụ án./.

**THẨM PHÁN**

*(Đã ký)*

**Hoàng Thị Nguyệt**

